

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **125/2022/DS - ST**
Ngày 06- 7- 2022
V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Tư;

2. Ông Trần Tất Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐST –DS ngày 21/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng P, Sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp PC, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, Sinh năm 1976. Vắng mặt.

Ông Lê Tấn H, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Cùng cư trú: ấp SC, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Hồng P trình bày:

Ông và ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D là chỗ quen biết nên vào ngày 22/8/2020 âm lịch ông có cho ông H, bà D vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất

thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn vay vài tháng trả. Khi nhận tiền ông H, bà D viết và ký tên trong biên nhận nợ cho ông.

Ngày 15/10/2020 âm lịch ông H, bà D có trả cho ông 100.000.000 đồng tiền vốn vay và 01 tháng nợ lãi, khi nhận tiền ông có viết biên nhận cho ông H, bà D. Sau đó ông và ông H, bà D thỏa thuận lại số tiền ông H, bà D còn nợ ông 100.000.000 đồng ông không tính lãi.

Từ ngày 15/10/2020 âm lịch cho đến nay ông H, bà D còn nợ lại ông số tiền 100.000.000 đồng, ông nhiều lần yêu cầu ông H, bà D trả nợ cho ông nhưng ông H, bà D không thực hiện.

Tại Tòa ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lê Tấn H phải liên đới nghĩa vụ giao trả cho ông số tiền vay là 100.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H, bà D vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D có đăng ký thường trú tại ấp SC, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: ông Lê Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H, bà D vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Hồng P, ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Lê Hồng P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lê Tấn H phải liên đới nghĩa vụ giao trả cho ông số tiền vay là 100.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

[5] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “*Giấy mượn tiền ngày 22/8/2020*”. Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông H, bà D đều vắng mặt. Tuy nhiên ông H, bà D vẫn sinh sống ở địa phương đã nhận được bản sao tài liệu chứng cứ là “*Giấy mượn tiền ngày 22/8/2020*” là căn cứ khởi kiện ông P; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do; ông H, bà D cũng không có ý kiến phản đối gì đối với chứng cứ và yêu cầu

khởi kiện ông P. Do đó có căn cứ xác định hiện nay ông H, bà D còn nợ ông P số tiền 100.000.000 đồng.

[6] Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Hồng P với ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Hồng P trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P. Lễ đó, việc ông Lê Hồng P yêu cầu ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải liên đới nghĩa vụ giao trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do ông Lê Hồng P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lê Tấn H phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $100.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.000.000 \text{ đồng}$.

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b, khoản 2 Điều 227, 228, 238, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng P. Buộc ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Lê Hồng P số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Do ông Lê Hồng P không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải liên đới nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Hồng P được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0006787 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trưởng hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSYA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

